

THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN



Khái niệm và mục đích

Khái niệm:

- Là loại thuế **trực thu**.
- Thu **trực tiếp** trên **thu nhập** nhận được của cá nhân trong một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm) hoặc từng lần phát sinh.

Mục đích:

- Thực hiện công bằng xã hội
- Tạo lập nguồn thu cho NSNN
- Công cụ để quản lý thu nhập ngầm của các cá nhân, góp phần chống các tội phạm xã hội

- Luật -

- **Luật Thuế thu nhập cá nhân 2007**
- **Luật thuế thu nhập cá nhân sửa đổi 2012**

- Nghị quyết -

- **Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14**
- **Nghị quyết số 406/NQ-UBTVQH15**

- Nghị định -

- **Nghị định số 65/2013/NĐ-CP**
- **Nghị định số 12/2015/NĐ-CP**
- **Nghị định số 91/2014/NĐ-CP**
- **Nghị định số 41/2020/NĐ-CP**
- **Nghị định số 52/2020/NĐ-CP**
- **Nghị định số 92/2021/NĐ-CP**

- Thông tư -

- **Thông tư số 37/2010/TT-BTC**
- **Thông tư số 111/2013/TT-BTC**
- **Thông tư số 119/2014/TT-BTC**
- **Thông tư số 128/2014/TT-BTC**
- **Thông tư số 151/2014/TT-BTC**
- **Thông tư số 92/2015/TT-BTC**
- **Thông tư số 96/2016/TT-BTC**
- **Thông tư số 97/2016/TT-BTC**
- **Thông tư số 42/2019/TT-BTC**
- **Thông tư số 40/2021/TT-BTC**

PHẦN I: QUY ĐỊNH CHUNG

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ;

II. CÁC KHOẢN THU NHẬP CHỊU THUẾ;

III. CÁC KHOẢN THU NHẬP ĐƯỢC MIỄN THUẾ;

IV. KỲ TÍNH THUẾ.

I. ĐỐI TƯỢNG NỘP THUẾ:

Cá nhân cư trú: là thu nhập phát sinh trong và ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

(Có mặt tại VN từ 183 ngày trở lên trong một năm dương lịch hoặc trong 12 tháng liên tục; hoặc có nơi ở đăng ký thường trú; hoặc có nhà thuê để ở từ 183 ngày trở lên trong năm tính thuế)

Cá nhân không cư trú: là thu nhập phát sinh tại Việt Nam, không phân biệt nơi trả và nhận thu nhập.

II. CÁC KHOẢN THU NHẬP CHỊU THUẾ:

1. Thu nhập từ kinh doanh
2. Thu nhập từ tiền lương, tiền công
3. Thu nhập từ đầu tư vốn
4. Thu nhập từ chuyển nhượng vốn
5. Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản
6. Thu nhập từ trúng thưởng
7. Thu nhập từ bản quyền
8. Thu nhập từ nhượng quyền thương mại
9. Thu nhập từ nhận thừa kế
10. Thu nhập từ nhận quà tặng

Thu nhập chịu thuế từ kinh doanh

Thu nhập từ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc tất cả các lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh bao gồm cả:

- (1) Thu nhập từ hoạt động hành nghề độc lập của cá nhân có giấy phép hoặc chứng chỉ hành nghề.
- (2) Đại lý bán đúng giá với đại lý xô số, bảo hiểm, bán hàng đa cấp (có ký hợp đồng trực tiếp).
- (3) Hợp tác kinh doanh với tổ chức.
- (4) Thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản không đáp ứng đủ điều kiện được miễn thuế.

=> Các khoản thu nhập chịu thuế trên không bao gồm thu nhập của cá nhân kinh doanh có doanh thu từ 100 triệu đồng/năm trở xuống.

Thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

Các khoản phụ cấp, trợ cấp

Tiền lương, tiền công và các khoản có tính chất TKTC

Thu nhập chịu thuế

Tiền thù lao nhận được dưới các hình thức: hoa hồng nhuận bút, tiền nhận được từ tham gia hiệp hội KD...

Các khoản tiền thưởng

Các khoản lợi ích do Người sử dụng LĐ trả hộ, chi trả cho NLĐ

Phụ cấp, trợ cấp

❖ Trừ 1 số khoản phụ cấp, trợ cấp sau:

- Trợ cấp, phụ cấp ưu đãi hàng tháng và trợ cấp một lần theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công.
- Phụ cấp quốc phòng, an ninh; trợ cấp đối với lực lượng vũ trang.
- Phụ cấp thu hút, phụ cấp khu vực.
- Trợ cấp một lần khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi, trợ cấp do suy giảm khả năng lao động, trợ cấp mất việc làm, trợ cấp thất nghiệp ... theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật Bảo hiểm xã hội.
- Phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.
- Phụ cấp phục vụ đối với lãnh đạo cấp cao.
- Phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với những ngành, nghề hoặc công việc ở nơi làm việc có yếu tố độc hại, nguy hiểm.
- Phụ cấp đặc thù ngành nghề.
- Trợ cấp một lần đối với cá nhân khi chuyển công tác đến vùng có điều kiện KTXH đặc biệt khó khăn, chuyển vùng một lần đối với người nước ngoài đến làm việc.

Các khoản lợi ích được trả

❖ Các khoản lợi ích được người sử dụng lao động trả cho người lao động phải được tính vào thu nhập chịu thuế từ tiền lương, tiền công

(1) Tiền nhà, điện, nước và các dịch vụ kèm theo:

- Tiền nhà: số thực tế, không quá 15% tổng thu nhập chịu thuế (chưa bao gồm tiền thuê nhà) tại đơn vị.
- Trừ: *khoản lợi ích về nhà ở, điện nước và các dịch vụ kèm theo do người sử dụng lao động xây dựng để cung cấp miễn phí cho người lao động làm việc tại khu công nghiệp; xây dựng tại khu kinh tế, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn*

(2) Khoản tiền phí mua bảo hiểm không bắt buộc, tiền đóng góp quỹ hưu trí tự nguyện đối với các sản phẩm bảo hiểm có tích lũy về phí bảo hiểm

(3) Khoản chi văn phòng phẩm, công tác phí, điện thoại, trang phục,... cao hơn mức quy định

Các khoản lợi ích được trả

- (4) Khoản chi trả đào tạo nâng cao trình độ, tay nghề cho người lao động không phù hợp với công việc chuyên môn, nghiệp vụ của người lao động hoặc không theo kế hoạch của đơn vị**
- (5) Phí hội viên và các khoản chi dịch vụ khác như: chăm sóc sức khỏe, vui chơi, thể thao, giải trí, thẩm mỹ, chi trong các ngày nghỉ, lễ; thuê các dịch vụ tư vấn, thuê khai thuế cho đích danh cá nhân, chi cho người giúp việc gia đình...**
- Tính vào TNCT của cá nhân nếu nội dung chi trả ghi rõ tên cá nhân được hưởng
 - Đối với khoản chi về phương tiện phục vụ đưa đón người lao động từ nơi ở đến nơi làm việc và ngược lại thì không tính vào TNCT của người lao động theo quy chế của đơn vị.

Các khoản tiền thưởng

- ❖ **Các khoản thưởng bằng tiền hoặc không bằng tiền dưới mọi hình thức, kể cả thưởng bằng chứng khoán, trừ các khoản sau đây:**
 - (1) ***Tiền thưởng kèm danh hiệu*** được Nhà nước phong tặng, danh hiệu thi đua, các hình thức thi đua theo pháp luật thi đua khen thưởng
 - (2) ***Tiền thưởng kèm theo giải thưởng quốc gia, quốc tế*** được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.
 - (3) ***Tiền thưởng về cải tiến kỹ thuật, sang chế, phát minh*** được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền công nhận.
 - (4) ***Tiền thưởng về việc phát hiện, khai báo*** hành vi vi phạm pháp luật với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Thu nhập từ đầu tư vốn

- ❖ Tiền lãi nhận được từ việc cho các tổ chức, doanh nghiệp, hộ gia đình, cá nhân kinh doanh, nhóm cá nhân kinh doanh vay, trừ tiền lãi ngân hàng.
- ❖ Cổ tức nhận được từ việc góp vốn mua cổ phần.
- ❖ Lợi tức nhận được do tham gia góp vốn vào công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh, hợp tác xã, liên doanh...
- ❖ Phần tăng thêm của giá trị vốn góp nhận được khi giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất...
- ❖ Lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác, trừ trái phiếu Chính phủ.
- ❖ Thu nhập từ cổ tức trả bằng cổ phiếu, thu nhập từ lợi tức ghi tăng vốn.
- ❖ Thu nhập nhận được từ đầu tư vốn dưới các hình thức khác.

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn

Chuyển nhượng các loại chứng khoán theo Luật CK bao gồm cả cổ phiếu của cá nhân trong Công ty Cổ phần

Chuyển nhượng vốn góp trong Công ty TNHH, Công ty Hợp danh, Hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức kinh tế, tổ chức khác

Chuyển nhượng vốn dưới hình thức khác

Thu nhập từ chuyển nhượng BĐS

- | | |
|---|--|
| <ol style="list-style-type: none">1. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất2. Chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.3. Chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở, kể cả nhà ở hình thành trong tương lai4. Chuyển nhượng quyền thuê đất, quyền thuê mặt nước | <ol style="list-style-type: none">5. Góp vốn bằng bất động sản để thành lập doanh nghiệp hoặc tăng vốn sản xuất kinh doanh6. Từ ủy quyền quản lý BĐS mà người được ủy quyền có quyền chuyển nhượng hoặc có quyền như người sở hữu7. Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng BĐS |
|---|--|

Thu nhập từ trúng thưởng

- ❖ Trúng thưởng xổ số.
- ❖ Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại khi tham gia mua bán hàng hóa, dịch vụ theo quy định của Luật Thương mại.
- ❖ Trúng thưởng trong các hình thức cá cược, đặt cược được pháp luật cho phép
- ❖ Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác do các tổ chức kinh tế, cơ quan hành chính, sự nghiệp, các đoàn thể và các tổ chức, cá nhân khác tổ chức

Thu nhập từ bản quyền

Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ

- *Quyền tác giả*: tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học
- *Quyền sở hữu công nghiệp*: sáng chế, kiểu dáng, nhãn hiệu, bí mật kinh doanh...
- *Quyền đối với giống cây trồng*: vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch

Chuyển giao công nghệ

- *Chuyển giao bí quyết kỹ thuật*
- *Chuyển giao kiến thức kỹ thuật về công nghệ*: phương án, quy trình, sơ đồ, dữ liệu
- *Chuyển giao giải pháp hợp lý hóa sản xuất, đổi mới công nghệ*

Thu nhập từ nhượng quyền thương mại

Nhượng quyền thương mại: là hoạt động thương mại, theo đó bên nhượng quyền cho phép và yêu cầu bên nhận quyền tự mình tiến hành việc mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ theo các điều kiện của bên nhượng quyền tại hợp đồng nhượng quyền thương mại

Thu nhập từ nhượng quyền thương mại là các khoản thu nhập mà cá nhân nhận được từ các hợp đồng nhượng quyền thương mại nêu trên

Thu nhập từ thừa kế, quà tặng

	Thừa kế: là khoản thu nhập nhận được theo di chúc hoặc quy định pháp luật về thừa kế	
Quà tặng: là khoản thu nhập từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước	1. Chứng khoán: cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác, cổ phần trong công ty cổ phần	3. Bất động sản (trừ BĐS được miễn thuế): quyền sử dụng đất; quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất; quyền sở hữu nhà, quyền thuê đất; quyền thuê mặt nước...
	2. Phần vốn trong các tổ chức kinh tế, CSKD: vốn góp trong công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, công ty hợp danh, hợp đồng hợp tác kinh doanh; vốn trong doanh nghiệp tư nhân, cơ sở kinh doanh	4. Tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng: ô tô, xe máy, xe mô tô, tàu thủy...

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

1/ **Từ chuyển nhượng BĐS giữa:** vợ với chồng; cha đẻ, mẹ đẻ với con đẻ; cha nuôi, mẹ nuôi với con nuôi; mẹ chồng, cha chồng với con dâu; bố vợ, mẹ vợ với con rể; ông bà nội với cháu nội; ông bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

*** Căn cứ xác định:**

- Vợ với chồng: Bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn hoặc quyết định ly hôn, tái hôn.
- Cha mẹ đẻ với con đẻ: bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy khai sinh;
- Cha mẹ nuôi với con nuôi: bản sao sổ hộ khẩu hoặc quyết định công nhận việc nuôi con nuôi.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

* Căn cứ xác định:

- Ông bà nội với cháu nội: Bản sao giấy khai sinh của cháu nội và bố cháu nội hoặc sổ hộ khẩu có thể hiện rõ quan hệ.
- Ông bà ngoại với cháu ngoại: bản sao giấy khai sinh của cháu ngoại và mẹ cháu ngoại hoặc sổ hộ khẩu có thể hiện quan rõ hệ.
- Anh, chị, em ruột: bản sao sổ hộ khẩu hoặc bản sao giấy khai sinh hoặc các giấy tờ khác chứng minh có quan hệ.
- Cha mẹ chồng với con dâu; cha mẹ vợ với con rể: bản sao sổ hộ khẩu hoặc giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh chứng minh mối quan hệ.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

2/ Thu nhập từ chuyển nhượng nhà ở, quyền sử dụng đất ở và tài sản gắn liền với đất ở của cá nhân chỉ có duy nhất một nhà ở, quyền sử dụng đất ở tại VN.

Căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế do cá nhân chuyển nhượng tự khai và chịu trách nhiệm.

Điều kiện miễn thuế thu nhập cá nhân: cá nhân chuyển nhượng nhà ở, đất ở duy nhất mà nhà ở, đất ở đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

3/ Thu nhập từ giá trị quyền sử dụng đất của cá nhân được nhà nước giao đất không phải trả tiền hoặc được giảm tiền sử dụng đất theo quy định của pháp luật

Căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế : bản sao quyết định giao đất của cơ quan có thẩm quyền ghi rõ mức miễn, giảm tiền sử dụng đất.

4/ Thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng là bất động sản giữa: vợ với chồng; cha mẹ đẻ với con đẻ; cha mẹ nuôi với con nuôi; cha mẹ chồng với con dâu; cha mẹ vợ với con rể; ông bà nội với cháu nội; ông bà ngoại với cháu ngoại; anh chị em ruột với nhau.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

5/ Thu nhập từ chuyển đổi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao để sản xuất.

Căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế là: văn bản thoả thuận việc chuyển đổi đất giữa các bên được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

6/ Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp tham gia vào hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản chưa qua chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

6/ Thu nhập của hộ gia đình, cá nhân

Điều kiện được miễn thuế:

- Có quyền sử dụng đất, quyền thuê đất, quyền sử dụng mặt nước, quyền thuê mặt nước hợp pháp và trực tiếp tham gia sản xuất.

Đối với hoạt động đánh bắt thủy sản phải có giấy chứng nhận quyền sở hữu hoặc hợp đồng thuê tàu, thuyền sử dụng vào mục đích đánh bắt và trực tiếp tham gia hoạt động đánh bắt thủy sản.

- Thực tế cư trú tại địa phương nơi diễn ra hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, làm muối, nuôi trồng, đánh bắt thủy sản. (hoạt động đánh bắt thủy sản thì không phụ thuộc nơi cư trú)

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

7/ Thu nhập từ lãi tiền gửi tại ngân hàng, tổ chức tín dụng, lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ.

Căn cứ để xác định thu nhập miễn thuế

- Đối với thu nhập từ lãi tiền gửi là sổ tiết kiệm (hoặc thẻ tiết kiệm), chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu và các giấy tờ khác theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi cho người gửi theo thỏa thuận.

- Đối với thu nhập từ lãi hợp đồng bảo hiểm nhân thọ là chứng từ trả tiền lãi từ hợp đồng bảo hiểm nhân thọ".

8/ Thu nhập từ kiều hối.

Căn cứ xác định thu nhập từ kiều hối được miễn thuế: chứng minh nguồn tiền nhận từ nước ngoài và chứng từ chi tiền của tổ chức trả hộ (nếu có).

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

9/ Thu nhập từ phần tiền lương, tiền công làm việc ban đêm, làm thêm giờ được trả cao hơn so với tiền lương, tiền công làm việc ban ngày, làm việc trong giờ theo quy định;

Căn cứ xác định là: tiền lương, tiền công thực trả do phải làm đêm, thêm giờ trừ đi mức tiền lương, tiền công tính theo ngày làm việc bình thường.

Đơn vị sử dụng lao động phải lập bảng kê phản ánh rõ thời gian làm đêm, làm thêm giờ, khoản tiền lương đã trả thêm cho người lao động.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

10/ Thu nhập từ tiền lương hưu do bảo hiểm xã hội trả theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội.

11/ Thu nhập từ học bổng, bao gồm:

- Học bổng nhận được từ ngân sách nhà nước;
- Học bổng nhận được từ tổ chức trong nước và ngoài nước;

12/ Thu nhập từ bồi thường hợp đồng bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, bồi thường tai nạn lao động, các khoản bồi thường nhà nước và các khoản bồi thường khác theo quy định.

III. Các khoản thu nhập được miễn thuế

13/ Thu nhập nhận được từ các quỹ từ thiện được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, hoạt động vì mục đích từ thiện, nhân đạo, khuyến học (không nhằm mục đích thu lợi nhuận).

Căn cứ xác định thu nhập được miễn thuế là: quyết định trao khoản thu nhập của quỹ từ thiện và chứng từ chi tiền, hiện vật từ quỹ từ thiện.

14/ Thu nhập nhận được từ các nguồn viện trợ của nước ngoài vì mục đích từ thiện, nhân đạo dưới hình thức Chính phủ và phi Chính phủ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

IV. KỲ TÍNH THUẾ:

1. Đối với cá nhân cư trú:

- Kỳ tính thuế theo năm: áp dụng đối với thu nhập từ kinh doanh; thu nhập từ tiền lương tiền công.
- Kỳ tính thuế theo từng lần phát sinh thu nhập: áp dụng đối với thu nhập từ: đầu tư vốn; chuyển nhượng vốn; chuyển nhượng BĐS; trúng thưởng; bản quyền; nhượng quyền thương mại; nhận thừa kế; quà tặng.
- Kỳ tính thuế theo từng lần chuyển nhượng hoặc theo năm đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán. Trường hợp cá nhân áp dụng kỳ tính thuế theo năm thì phải đăng ký từ đầu năm với cơ quan thuế.

HÀN II: Thuế thu nhập cá nhân từ tiền lương, tiền công

I. Căn cứ tính thuế

II. Xác định các khoản giảm trừ

III. Thuế suất

IV. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế

I. CĂN CỨ TÍNH THUẾ

Căn cứ tính thuế



```
graph LR; A((Căn cứ tính thuế)) --> B[Thu nhập tính thuế]; A --> C[Thuế suất]
```

Thu nhập tính thuế

Thuế suất

I. CĂN CỨ TÍNH THUẾ:

Trong đó:

- Thu nhập tính thuế = thu nhập chịu thuế trừ (-) các khoản giảm trừ, bao gồm:
 - Các khoản đóng góp bảo hiểm bắt buộc như: BHXH, BHYT, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp bắt buộc .v.v.
 - Các khoản giảm trừ gia cảnh;
 - Các khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, quỹ nhân đạo, quỹ khuyến học;
- Thu nhập chịu thuế = Tổng thu nhập từ TLTC + Thu nhập khác có tính chất TLTC

Thời điểm xác định: Tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho người nộp thuế *hoặc* thời điểm người nộp thuế nhận được thu nhập

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Các khoản Bảo
hiểm bắt buộc

BHXH, BHYT

BHTN, BH trách
nhiệm nghề
nghiệp

Quỹ hưu trí tự
nguyện; Bảo hiểm
hưu trí tự nguyện

Theo thực tế phát
sinh

Mức tối đa: 01
trđ/tháng
(12tr/năm)

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

**Thuế
TNCN**

**Nghị
quyết số
954/2020
/UBTVQ
H14**

Quy định về giảm trừ gia cảnh

- a) Mức giảm trừ đối với người nộp thuế là 11 triệu đồng/tháng (132 triệu đồng/năm từ 1/7/2020 và áp dụng từ kỳ tính thuế năm 2020); (trước năm 2020 là 9 triệu đồng/tháng, 108 triệu đồng/năm trước năm 2020).
- b) Mức giảm trừ cho mỗi người phụ thuộc mà người nộp thuế có nghĩa vụ nuôi dưỡng là 4.4 triệu đồng/tháng (áp dụng từ 1/7/2020 và từ kỳ tính thuế năm 2020); (trước năm 2020 là 3,6 triệu đồng/tháng) kể từ tháng phát sinh nghĩa vụ nuôi dưỡng.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Nguyên tắc tính giảm trừ:

Chỉ được tính giảm trừ gia cảnh nếu đã đăng ký thuế và được cấp MST.

Mỗi người phụ thuộc chỉ được tính giảm trừ một lần vào một đối tượng nộp thuế trong năm tính thuế.

Đối tượng nộp thuế có trách nhiệm kê khai số người phụ thuộc được giảm trừ và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai này.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Người phụ thuộc bao gồm các đối tượng sau:

- * Con: (con đẻ, con nuôi, con ngoài giá thú, con riêng) cụ thể:
 - Con dưới 18 tuổi.
 - Con trên 18 tuổi nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động.
 - Con đang học tại các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 1.000.000 đ/tháng.

- * Vợ/chồng: ngoài độ tuổi lao động (hoặc trong độ tuổi lao động nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động), không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 1.000.000 đ/tháng.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

* Cha đẻ, mẹ đẻ, cha vợ, mẹ vợ (hoặc cha chồng, mẹ chồng) của đối tượng nộp thuế ngoài độ tuổi lao động (hoặc trong độ tuổi lao động nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động), không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá 1.000.000 đ/tháng.

* Các cá nhân khác là người ngoài độ tuổi lao động (hoặc trong độ tuổi lao động nhưng bị tàn tật, không có khả năng lao động), **không nơi nương tựa**, không có thu nhập hoặc có thu nhập nhưng không vượt quá mức qui định; bao gồm:

- Anh ruột, chị ruột, em ruột;
- Ông bà nội, ông bà ngoại, cô, dì, cậu, chú, bác ruột;
- Cháu ruột (bao gồm con của anh, chị, em ruột).
- Người phải trực tiếp nuôi dưỡng khác theo quy định của pháp luật.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ

Hồ sơ chứng minh người phụ thuộc:

** Đối với con:*

- Con dưới 18 tuổi: bản sao Giấy khai sinh **hoặc** bản sao hộ khẩu; nếu là con nuôi thì ngoài Giấy khai sinh cần có bản sao Giấy chứng nhận là con nuôi.
- Con trên 18 tuổi bị tàn tật không có khả năng lao động: bản sao Giấy khai sinh **hoặc** bản sao hộ khẩu; bản sao xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên **hoặc** bản tự khai có xác nhận của UBND cấp xã về mức độ tàn tật không có khả năng lao động.
- Con đang theo học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp hoặc học nghề: bản sao Giấy khai sinh **hoặc** bản sao hộ khẩu, bản sao Thẻ sinh viên **hoặc** bản tự khai có xác nhận của nhà trường.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ:

* Đối với vợ/chồng:

- Vợ/chồng đã hết tuổi lao động cần: bản sao hộ khẩu **hoặc** bản sao Giấy chứng nhận kết hôn.
- Vợ/chồng trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên phải có thêm bản sao xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện **hoặc** bản tự khai có xác nhận của UBND cấp xã về mức độ tàn tật.

* Đối với cha, mẹ:

- Trường hợp ngoài tuổi lao động: bản sao hộ khẩu **hoặc** giấy tờ liên quan khác thể hiện mối quan hệ.
- Trường hợp trong độ tuổi lao động thì ngoài các giấy tờ nêu trên, cần có thêm bản sao xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên **hoặc** bản tự khai có xác nhận của UBND cấp xã về mức độ tàn tật.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ:

*** Đối với ông bà nội ngoại; anh, chị, em ruột ;cô, dì, chú, bác, cậu, cháu ruột:** các giấy tờ hợp pháp để xác định mối quan hệ và bản tự khai có xác nhận của UBND cấp xã về trách nhiệm nuôi dưỡng của đối tượng nộp thuế. Trường hợp trong độ tuổi lao động thì phải có thêm bản sao xác nhận của cơ quan y tế từ cấp huyện trở lên hoặc bản tự khai có xác nhận của UBND cấp xã về mức độ tàn tật.

II. XÁC ĐỊNH CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ:

❖ Giảm trừ đối với các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo, khuyến học:

* Các khoản đóng góp được trừ:

- Khoản đóng góp vào các tổ chức, cơ sở được thành lập và hoạt động theo qui định tại NĐ số 25/2001/NĐ-CP

- Khoản đóng góp vào quỹ từ thiện, nhân đạo, khuyến học được thành lập và hoạt động theo quy định tại NĐ số 148/2007/NĐ-CP của Chính phủ.

* Các khoản đóng góp phải có chứng từ hợp pháp do các tổ chức bảo trợ xã hội, các quỹ cấp.

* Các khoản đóng góp phát sinh năm nào được giảm trừ vào **TNCT của năm đó**, nếu giảm trừ trong năm không hết không trừ vào năm sau. Mức giảm trừ tối đa không vượt quá TNTT từ tiền lương, tiền công và thu nhập từ kinh doanh của năm phát sinh đóng góp từ thiện nhân đạo.

III. THUẾ SUẤT

Bậc thuế	Phần thu nhập tính thuế/năm (triệu đồng)	Phần thu nhập tính thuế/ tháng (triệu đồng)	Thuế suất (%)
1	Đến 60	Đến 5	5
2	Trên 60 đến 120	Trên 5 đến 10	10
3	Trên 120 đến 216	Trên 10 đến 18	15
4	Trên 216 đến 384	Trên 18 đến 32	20
5	Trên 384 đến 624	Trên 32 đến 52	25
6	Trên 624 đến 960	Trên 52 đến 80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

IV. KÊ KHAI, QUYẾT TOÁN, NỘP THUẾ TNCN

Đối tượng kê khai thuế TNCN

**TỔ CHỨC CHI TRẢ
THU NHẬP**

**CÁ NHÂN CÓ THU
NHẬP CHỊU THUẾ**

- Tiền lương, tiền công trực tiếp kê khai với Cơ quan Thuế
- Hoạt động kinh doanh
- Các khoản thu nhập khác theo từng lần phát sinh

Khai thuế TNCN

**Thời
hạn
nộp hồ
sơ
khai
thuế
TNCN**

Điều kiện khai thuế theo quý hoặc tháng

Căn cứ theo điều kiện khai thuế giá trị gia tăng để làm căn cứ khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng hoặc quý (được xác định một lần kể từ quý hoặc tháng đầu tiên phát sinh nghĩa vụ khai thuế và được áp dụng ổn định trong cả năm dương lịch)

Khai thuế TNCN

**Thời
hạn
nộp hồ
sơ
khai
thuế
TNCN**

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế TNCN của tổ chức: chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo (hồ sơ khai thuế theo quý) hoặc chậm nhất ngày thứ 20 của tháng tiếp theo (hồ sơ khai thuế theo tháng).

Thời hạn nộp thuế

Chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Khai thuế TNCN

**Thời
hạn
nộp hồ
sơ
khai
thuế
TNCN**

**Trường hợp tổ chức, cá nhân không
phát sinh trả thu nhập chịu thuế thu
nhập cá nhân tháng/quý nào => không
phải khai thuế thu nhập cá nhân của
tháng/quý đó**

***(Theo Công văn số 2393/TCT-DNNCN
ngày 01/7/2021 của Tổng cục Thuế)***

Khai thuế TNCN

**Thời
hạn
nộp hồ
sơ
khai
thuế
TNCN**

Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế

Hồ sơ khai thuế TNCN của cá nhân: chậm nhất ngày cuối cùng của tháng đầu của quý tiếp theo (đối với hồ sơ khai thuế theo quý) hoặc chậm nhất ngày thứ 10 kể từ ngày phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với hồ sơ khai thuế khai theo từng lần phát sinh)

Thời hạn nộp thuế

Chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ khai thuế.

Quyết toán thuế TNCN

1. Đối tượng phải quyết toán thuế TNCN

Cá nhân cư trú có thu nhập từ tiền lương, tiền công có trách nhiệm khai QTT nếu có số thuế phải nộp thêm (trừ trường hợp số thuế nộp thêm dưới 50.000 đồng) hoặc có số thuế nộp thừa đề nghị hoàn hoặc bù trừ thuế

TRỪ

CN có TN từ tiền lương, tiền công ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đơn vị mà có thêm TN vắng lai bình quân tháng trong năm không quá 10 trđ đã được đơn vị trả TN khấu trừ thuế tại nguồn 10% và không có yêu cầu quyết toán phần TN vắng lai.

CN có số thuế phải nộp nhỏ hơn số thuế đã tạm nộp mà không có yêu cầu hoàn thuế hoặc bù trừ thuế vào kỳ sau

CN được NSDLĐ mua BH nhân thọ (trừ BH hưu trí tự nguyện), BH không bắt buộc khác có tích lũy về phí BH mà NSDLĐ hoặc DNBH đã khấu trừ thuế TNCN theo tỷ lệ 10% theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC

Tổ chức trả thu nhập có trách nhiệm khai quyết toán thuế và quyết toán thay cho cá nhân có ủy quyền cho tổ chức trong 3 trường hợp sau

CN chỉ có thu nhập từ tiền lương, tiền công ký hợp đồng lao động từ ba (03) tháng trở lên tại một đơn vị và thực tế đang làm việc ở đơn vị tại thời điểm ủy quyền quyết toán, kể cả trường hợp không làm việc đủ 12 tháng trong năm

CN có TN từ tiền lương, tiền công ký HĐLĐ từ 03 tháng trở lên tại một đvị mà có thêm TN vãng lai bình quân tháng trong năm không quá 10 trđ đã được đvị trả TN khấu trừ thuế tại nguồn 10%, không có yêu cầu QTT đối với TN vãng lai

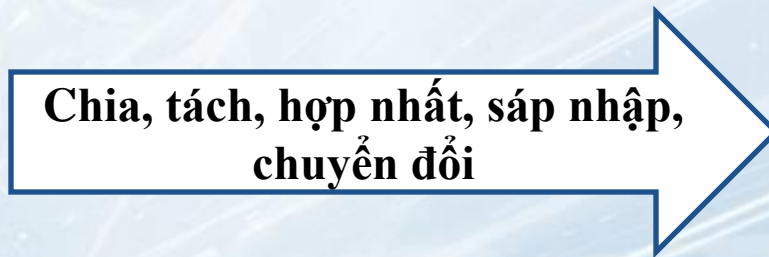
**TỔ CHỨC
CŨ**



**Người lao động chuyển từ tổ
chức cũ sang tổ chức mới**



**Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập,
chuyển đổi**



**TỔ CHỨC
MỚI**

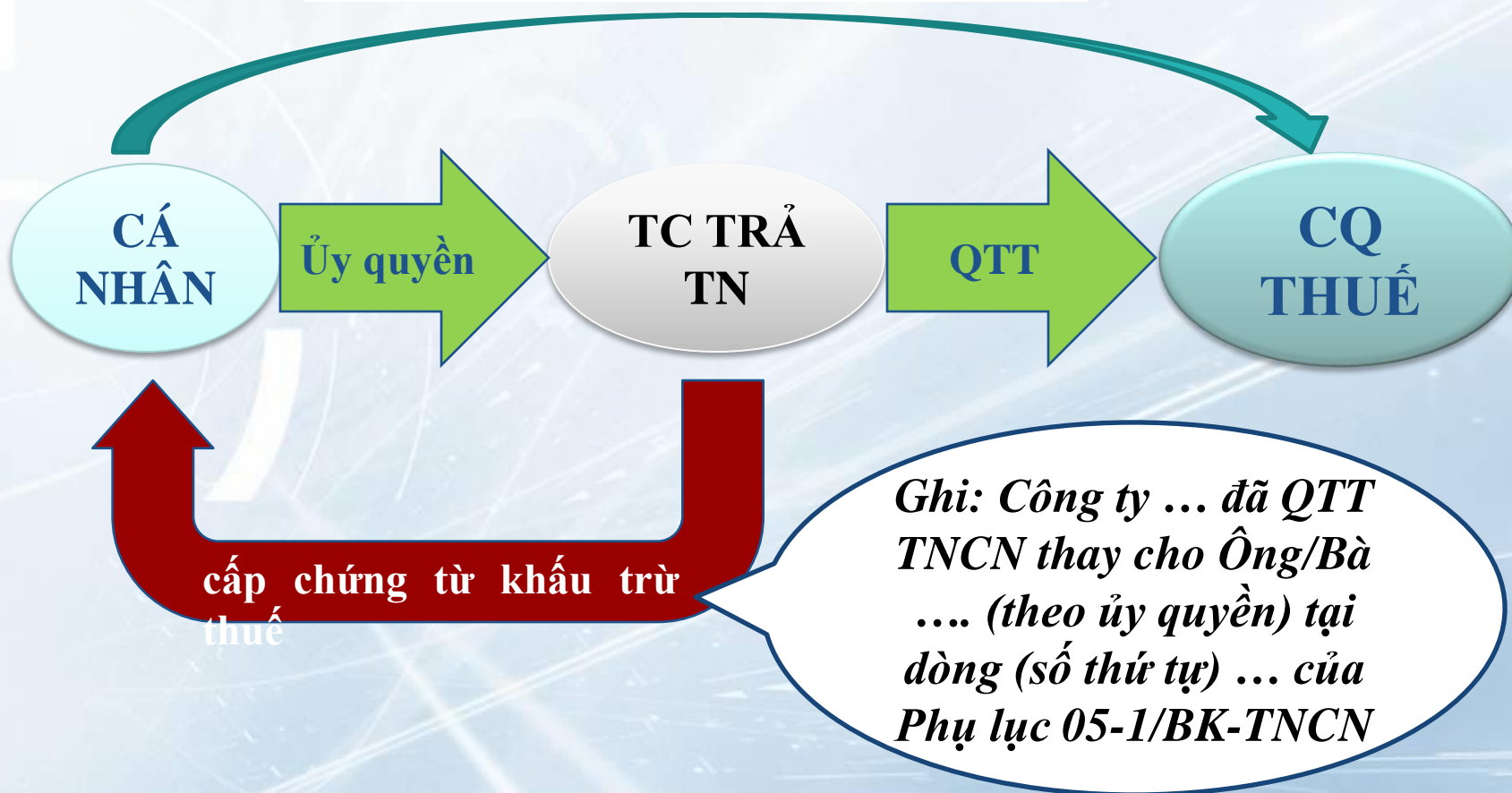
Ủy quyền



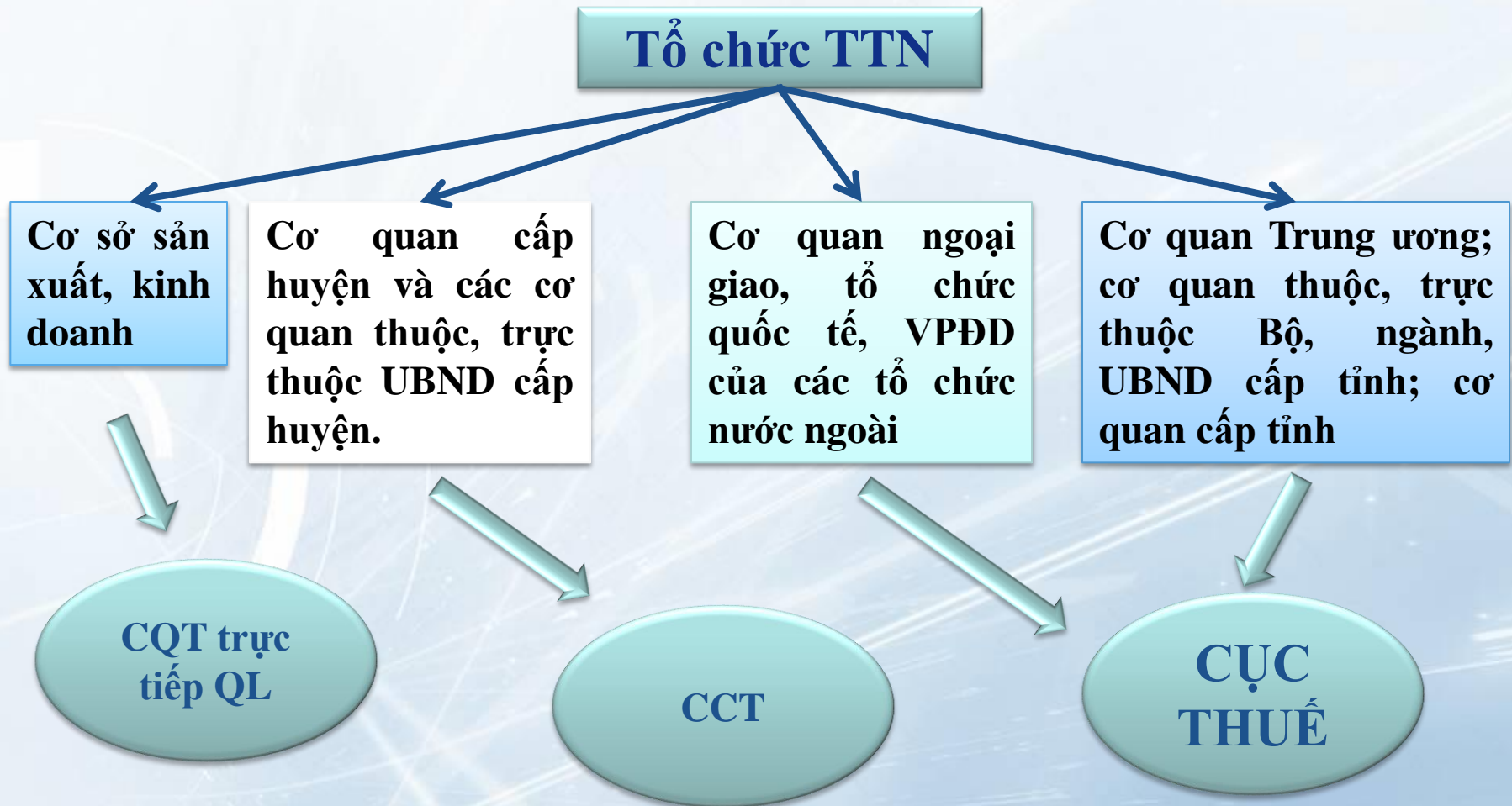
**Thu lại chứng từ KTrừ
thuế TNCN của tổ chức
cũ để tổng hợp TN, số
thuế đã khấu trừ và
QTT thay cho NLĐ**

Trường hợp cá nhân đã ủy quyền cho Cơ quan chi trả nhưng sau đó phát hiện thuộc diện trực tiếp quyết toán thuế với cơ quan thuế

Trực tiếp quyết toán



NƠI NỘP HỒ SƠ QTT TNCN



Cá nhân

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công trực tiếp khai thuế trong năm

Cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công từ hai nơi trở lên

CN đã tính GTGC cho bản thân tại TCTTN

Có Thu nhập phải từ quyết toán và thu nhập do CQTTT chi trả

Thay đổi nơi lv và tại TCTTN cuối cùng không tính GTGC

CN chưa tính GTGC cho bản thân ở bất kỳ TCTTN nào

CN không ký HĐLĐ, hoặc ký HĐLĐ dưới 03 tháng, hoặc ký HĐ cung cấp DV có TN tại một nơi hoặc nhiều nơi đã khấu trừ 10%; TN từ nước ngoài

CN trong năm có TN từ TL, TC tại một nơi hoặc nhiều nơi nhưng tại thời điểm QT không làm việc tại TCTTN nào

TN từ TLTC nhưng chưa khấu trừ

CQT qly TCTTN

CCT nơi cư trú

THỜI HẠN NỘP HỒ SƠ QUYẾT TOÁN

TCTTN

**chậm nhất là ngày cuối
cùng của tháng thứ 3 kết
thúc năm dương lịch**

Cá Nhân

**chậm nhất là ngày cuối
cùng của tháng thứ 4
kết thúc năm dương
lịch**

PHẦN III: THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN ĐỐI VỚI CÁ NHÂN CƯ TRÚ CÓ CÁC KHOẢN THU NHẬP CHỊU THUẾ KHÁC

- I. THU NHẬP TỪ ĐẦU TƯ VỐN;
- II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN;
- III. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BĐS;
- IV. THU NHẬP TỪ TRÚNG THƯỞNG;
- V. THU NHẬP TỪ BẢN QUYỀN;
- VI. THU NHẬP TỪ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI;
- VII. THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG;

I. THU NHẬP TỪ ĐẦU TƯ VỐN

- **Thu nhập chịu thuế:** Cho vay, mua cổ phần hoặc góp vốn sản xuất kinh doanh;
- **Thuế suất: 5%.**
- **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế:** là thời điểm tổ chức, cá nhân trả thu nhập cho đối tượng nộp thuế.
- **Khai thuế:** Việc khấu trừ thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế do đơn vị trả thu nhập thực hiện. Cá nhân có thu nhập từ đầu tư vốn không phải khai thuế, quyết toán thuế.

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

Thu nhập chịu thuế: tiền **lãi** nhận được từ việc chuyển nhượng vốn trong các trường hợp sau:

- Chuyển nhượng phần vốn góp trong các công ty TNHH; công ty hợp danh, công ty cổ phần, các hợp đồng hợp tác kinh doanh, HTX...
- Chuyển nhượng chứng khoán gồm: thu nhập từ chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật chứng khoán.
- Thu nhập từ chuyển nhượng vốn dưới các hình thức khác.

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

$\text{Thuế TNCN} = \text{TN tính thuế} \times \text{Thuế suất}$

- Thu nhập tính thuế = giá chuyển nhượng trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan.
- Thuế suất: 20%.
- Thời điểm xác định: là thời điểm giao dịch chuyển nhượng phần vốn góp hoàn thành theo quy định.

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

Đối với chuyển nhượng chứng khoán:

- Trường hợp nộp thuế theo thuế suất là 20%:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 20\% \end{array}$$

(Thu nhập tính thuế = giá chuyển nhượng trừ (-) giá mua, các chi phí liên quan)

- Trường hợp không đăng ký nộp theo thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng.

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Giá} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{chuyển nhượng} & & 0,1\% \end{array}$$

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

* Thời điểm xác định CNTT từ chuyển nhượng chứng khoán:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố khớp lệnh.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN:

Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

- **Đăng ký thuế:** Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn phải đăng ký thuế. Hồ sơ đăng ký thuế, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế thực hiện như đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- **Khai thuế:** Cá nhân có thu nhập phải khai thuế, nộp thuế theo từng lần chuyển nhượng. Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng vốn góp không phải quyết toán thuế.

- **Thời điểm khai thuế:** cá nhân có thu nhập phải khai thuế trước khi làm các thủ tục chuyển quyền sở hữu phần vốn chuyển nhượng.

- **Thời hạn nộp thuế:** thời hạn nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời hạn ghi trên Thông báo thuế.

III. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN BDS

1. Thu nhập chịu thuế: là khoản thu nhập nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản, bao gồm:

- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất.
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất. Tài sản gắn liền với đất;
- Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở.
- Thu nhập từ chuyển quyền thuê đất, thuê mặt nước.
- Thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng hợp đồng mua bán nhà ở **hình thành trong tương lai**
- Các khoản thu nhập khác nhận được từ chuyển nhượng bất động sản.

III. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BĐS

2. Thu nhập tính thuế:

- Đối với thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất **không** có kết cấu hạ tầng, công trình kiến trúc gắn liền với đất được xác định bằng giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất trừ (-) đi giá vốn và các chi phí hợp lý liên quan.
- Đối với thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sử dụng đất **gắn với** kết cấu hạ tầng hoặc công trình xây dựng trên đất được xác định bằng giá chuyển nhượng trừ đi (-) giá vốn của bất động sản đó và các chi phí hợp lý có liên quan.
- Đối với thu nhập tính thuế từ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng nhà ở: được xác định bằng giá bán trừ (-) giá mua và các chi phí hợp lý có liên quan.
- Đối với thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng quyền thuê đất, thuê mặt nước: được xác định bằng giá cho thuê lại trừ (-) giá đi thuê và các chi phí có liên quan.

III. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BĐS

3. Thuế suất và cách tính thuế:

a. Thuế suất thuế thu nhập cá nhân đối với chuyển nhượng bất động sản là 25% trên thu nhập tính thuế. Trường hợp không xác định được giá vốn và các chi phí liên quan làm cơ sở xác định thu nhập tính thuế thì áp dụng thuế suất 2% trên giá chuyển nhượng.

b. Cách tính thuế:

- Trường hợp 1:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Giá chuyển} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{nhượng} & & 2\% \end{array}$$

- Trường hợp 2: Đề nghị áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 25\% \end{array}$$

III. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BĐS:

4. Điều kiện áp dụng thuế suất 25% tính trên thu nhập tính thuế

- Giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng trên tờ khai thuế không thấp hơn giá do UBND cấp tỉnh quy định (đối với quyền sử dụng đất) hoặc không thấp hơn giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định (đối với nhà và các công trình xây dựng)
- Người nộp thuế kê khai phải có hoá đơn, chứng từ hợp pháp giá mua và các chi phí liên quan.
- Cá nhân chuyển nhượng bất động sản tự kê khai, tự xác định mức thuế suất áp dụng và chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ kê khai.

II. THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG BĐS:

5. Đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế:

- **Đăng ký thuế:** Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng BĐS phải đăng ký thuế. Hồ sơ đăng ký thuế, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký thuế thực hiện như đối với cá nhân có thu nhập từ tiền lương, tiền công.

- **Khai thuế:** Cá nhân có thu nhập phải khai thuế, nộp thuế theo từng lần chuyển nhượng. Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng BĐS không phải quyết toán thuế.

- **Thời điểm khai thuế:** cá nhân có thu nhập phải lập hồ sơ khai thuế TNCN và nộp cùng hồ sơ chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng BĐS.

- **Thời hạn nộp thuế:** thời hạn nộp thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là thời hạn ghi trên Thông báo thuế.

IV. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TRÚNG THƯỞNG:

1. Thu nhập chịu thuế: là các khoản tiền hoặc hiện vật mà cá nhân nhận được; bao gồm:

- Trúng thưởng xổ số do các Công ty xổ số phát hành thực hiện.
- Trúng thưởng trong các hình thức khuyến mại.
- Trúng thưởng trong các hình thức cá cược, đặt cược được pháp luật cho phép.
- Trúng thưởng trong các Casino được pháp luật cho phép hoạt động.
- Trúng thưởng trong các trò chơi, cuộc thi có thưởng và các hình thức trúng thưởng khác.

IV. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ TRÚNG THƯỞNG:

2. Căn cứ tính thuế:

- **Thu nhập tính thuế:** là phần giá trị giải thưởng vượt trên 10 triệu đồng mà đối tượng nộp thuế nhận được theo **từng lần trúng thưởng** không phụ thuộc vào số lần nhận tiền thưởng.

- **Thuế suất:** 10% .

- **Thời điểm xác định thu nhập:** là thời điểm tổ chức, cá nhân chi trả thưởng cho người trúng thưởng.

- **Cách tính thuế:**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 10\% \end{array}$$

- **Nộp thuế:** Tổ chức chi trả tiền thưởng cho cá nhân trúng thưởng có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi trả

V. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ BẢN QUYỀN:

Thu nhập tính thuế từ tiền bản quyền là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo hợp đồng.

Thuế suất: 5%.

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ bản quyền: là thời điểm trả tiền bản quyền.

Cách tính thuế:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 5\% \end{array}$$

Nộp thuế: Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ bản quyền có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi chi trả

VI. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI:

- **Thu nhập tính thuế:** là phần thu nhập vượt trên 10 triệu đồng theo hợp đồng nhượng quyền không phụ thuộc vào số lần thanh toán hoặc số lần nhận tiền. Trường hợp cùng là một đối tượng của quyền thương mại nhưng việc chuyển nhượng thực hiện thành nhiều hợp đồng thì thu nhập tính thuế được tính trên tổng các hợp đồng nhượng.

- **Thuế suất: 5%.**

- **Thời điểm xác định:** là thời điểm thanh toán tiền nhượng quyền thương mại giữa bên nhận quyền thương mại và bên nhượng quyền thương mại.

- **Cách tính thuế:**

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 5\% \end{array}$$

- **Nộp thuế:** Tổ chức, cá nhân chi trả thu nhập từ nhượng quyền thương mại có trách nhiệm khấu trừ thuế thu nhập cá nhân trước khi chi trả

VII. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG:

1. Thu nhập chịu thuế đối với thu nhập từ thừa kế:

- Thu nhập từ thừa kế, quà tặng là hợp đồng mua bán nhà ở hình thành trong tương lai
- Khoản thu nhập mà cá nhân nhận được theo di chúc hoặc theo qui định của pháp luật về tài sản thừa kế đối với các loại tài sản sau đây:
 - + Chứng khoán: cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ
 - + Phần vốn trong các tổ chức kinh tế, cơ sở kinh doanh.
 - + Bất động sản: quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất có tài sản gắn liền với đất, quyền sở hữu nhà, căn hộ chung cư, quyền thuê đất, mặt nước...
 - + Các tài sản khác phải đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng với cơ quan quản lý Nhà nước như: ô tô, xe gắn máy (xe mô tô), tàu, thuyền, máy bay...

ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG

2. Thu nhập tính thuế: là phần giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng vượt trên 10 triệu đồng mỗi lần nhận.

Giá trị tài sản nhận thừa kế, quà tặng được xác định như sau:

- **Đối với tài sản thừa kế, quà tặng là bất động sản:**
 - Đối với BĐS là giá trị quyền sử dụng đất thì phần giá trị quyền sử dụng đất được xác định căn cứ vào Bảng giá đất do UBND cấp tỉnh qui định tại thời điểm cá nhân hưởng thừa kế làm thủ tục chuyển quyền sử dụng BĐS.
 - Đối với BĐS là nhà và công trình kiến trúc trên đất căn cứ vào:
 - + Qui định của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền về phân loại giá trị nhà.
 - + Qui định tiêu chuẩn, định mức xây dựng cơ bản do cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành.
 - + Giá trị còn lại của nhà, công trình kiến trúc.

VII. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG:

* **Đối với thừa kế, quà tặng là ô tô, xe gắn máy, tàu thuyền...:** được xác định trên cơ sở Bảng giá tính lệ phí trước bạ do UBND cấp tỉnh quy định tại thời điểm cá nhân nhận được thừa kế, quà tặng.

* **Đối với thừa kế, quà tặng là phần vốn góp:** là giá trị của phần vốn góp căn cứ vào sổ sách kế toán, hoá đơn chứng từ tại thời điểm nhận thừa kế, quà tặng.

VII. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG:

*** Đối với thừa kế, quà tặng là chứng khoán; cụ thể:**

- Chứng khoán đã niêm yết: căn cứ vào giá tham chiếu trên Sở GDCK hoặc Trung tâm GDCK tại ngày nhận thừa kế, quà tặng hoặc ngày gần nhất trước đó.
- Chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm GDCK căn cứ vào giá tham chiếu tại Trung tâm GDCK ở thời điểm nhận thừa kế, quà tặng hoặc ngày gần nhất trước đó.
- Đối với CK không thuộc các trường hợp trên căn cứ giá trị ghi trên sổ sách kế toán của công ty phát hành loại CK đó tại ngày nhận thừa kế, quà tặng là CK .

VII. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG:

3. Thuế suất: 10%.

4. Thời điểm xác định thu nhập:

- Đối với thu nhập từ thừa kế: là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận thừa kế. Thời điểm nhận thừa kế là thời điểm mở thừa kế hoặc thời điểm nhận được thừa kế theo phán quyết của toà án.

- Đối với thu nhập từ nhận quà tặng: là thời điểm tổ chức, cá nhân tặng cho đối tượng nộp thuế. Trường hợp nhận quà tặng từ nước ngoài thì thời điểm xác định thu nhập tính thuế là thời điểm đối tượng nộp thuế nhận được quà tặng.

5. Cách tính số thuế phải nộp:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Số thuế} & = & \text{Thu nhập} & \times & \text{Thuế suất} \\ \text{phải nộp} & & \text{tính thuế} & & 10\% \end{array}$$

VII. ĐỐI VỚI THU NHẬP TỪ NHẬN THỪA KẾ, QUÀ TẶNG:

6. Khai thuế, nộp thuế:

a. Khai thuế: Cá nhân có thu nhập từ nhận thừa kế, nhận quà tặng có trách nhiệm khai thuế theo từng lần phát sinh thu nhập từ nhận thừa kế, quà tặng.

Đối với thừa kế, quà tặng là bất động sản thì khai thuế thực hiện theo hướng dẫn đối với chuyển nhượng bất động sản.

b. Nơi nộp hồ sơ khai thuế: là Chi cục Thuế quận huyện, nơi cá nhân nhận thừa kế, nhận quà tặng cư trú.

c. Thời hạn nộp hồ sơ khai thuế: nộp hồ sơ khai thuế trước ngày làm thủ tục chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản nhận thừa kế, nhận quà tặng.

d. Thời hạn nộp thuế: theo Thông báo thuế của cơ quan thuế.

